SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CÀ MAU
CHI CỤC THỦY SẢN

Số: 86 /TB-CCTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 02 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Kết quả quan trắc chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau (đợt 21 năm 2026)

Để tăng cường công tác giám sát và kiểm soát chất lượng môi trường nước trên các tuyến sông cấp nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ năm 2026, Chi cục Thủy sản Cà Mau phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu môi trường và bệnh thủy sản miền Nam thực hiện lấy mẫu quan trắc môi trường nước mặt tại 23 điểm trên các tuyến sông thuộc địa bàn tỉnh Cà Mau từ ngày 18/10/2026 đến 21/10/2026 (đợt 21 năm 2026).

Các điểm quan trắc gồm: Kênh 30/4 – Phường Hiệp Thành, Kênh Xáng – phường Vĩnh Trạch, Kênh Cái Cùng – xã Vĩnh Hậu, Kênh Chùa Phật – xã Vĩnh Hậu, Kênh Gò Cát – xã Long Điền, Kênh Hộ Phòng – xã Long Điền, Kênh 9000 – xã Hồng Dân, Cửa biển Gành Hào – xã Gành Hào, Sông Bạc Liêu – phường Bạc Liêu, Kênh Trường Sơn – phường Hiệp Thành, Kênh số 3 – xã Vĩnh Hậu, Kênh Mương 7 – xã Vĩnh Hậu, Ngã 3 Vàm Đầm – xã Tân Tiến, Sông Đầm Dơi – xã Đầm Dơi, Sông Cái Đôi – xã Phú Tân, Ngã 3 Vàm Đình – xã Phú Mỹ, Cống Đá Kênh 4 – Hòa Mỹ – xã Hưng Mỹ, Lương Thế Trân – xã Lương Thế Trân và phường Lý Văn Lâm, Sông Cái Đôi Vàm – xã Cái Đôi Vàm, Sông Đường Chéo (Đường Kéo) – xã Tân Ân, Kênh Xáng Độ Cường – phường Hòa Thành và xã Trần Phán, Sông Thị Tường – xã Hưng Mỹ, Kênh Xáng Tân Hưng – xã Tân Hưng.

Các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: nhiệt độ, pH, DO, độ mặn, độ kiềm, $N\text{-}NO_2^-$, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, $N\text{-}NO_3^-$, TSS, TP, Chlorophyll a, Vibrio tổng số, *Vibrio parahaemolyticus* tổng số và Coliform tổng số, EHP.

1. Kết quả chất lượng nước

(Kèm theo phụ lục kết quả phân tích chất lượng nước phục vụ vùng nuôi tôm nước lợ trên địa bàn tỉnh Cà Mau đợt 21).

2. Đánh giá chất lượng nước

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
1	Kênh 30/4	58	Trung bình	DO, $N\text{-}NH_4^+$, Vibrio, *V.parahaemolyticus* = 210 CFU/mL, Coliform = 11000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; có thể sử dụng vôi cacbonat ($CaCO_3$) và Dolomite [$CaMg(CO_3)_2$] để hỗ trợ ổn định độ kiềm theo điều kiện thực tế. Lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận mật độ Vibrio cao và sự xuất hiện của *V. parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
2	Kênh Xáng	50	Trung bình	DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$, Coliform = 46000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
3	Kênh Cái Cùng	31	Kém	DO, $N\text{-}NO_2^-$, $N\text{-}NH_4^+$, TSS, Vibrio, *V.parahaemolyticus* = 70 CFU/mL (DO, TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thuỷ sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận Vibrio *và V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
4	Kênh Chùa Phật	39	Kém	DO, $N\text{-}NO_2^-$, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, TSS, *V.parahaemolyticus* = 70 CFU/mL, Coliform = 46000 MPN/100mL, EHP dương tính (DO có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thuỷ sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận mật độ Vibrio tổng số cao, có sự xuất hiện của EHP *và V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
5	Kênh Gò Cát	9	Rất kém	DO, độ mặn, độ kiềm, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, TSS, EHP dương tính *V.parahaemolyticus* = 90 CFU/mL, Coliform = 110000 MPN/100mL (DO, độ kiềm, $N\text{-}NH_4^+$, TSS có qi = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thuỷ sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; có thể sử dụng vôi cacbonat ($CaCO_3$) và Dolomite [$CaMg(CO_3)_2$] để hỗ trợ ổn định độ kiềm theo điều kiện thực tế. Lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận mật độ Vibrio cao và sự xuất hiện của EHP và *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
6	Kênh Hộ Phòng	34	Kém	DO, TSS, EHP dương tính *V.parahaemolyticus* = 60 CFU/mL (DO, TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thuỷ sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của EHP và

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					V.parahaemolyticus, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
7	Kênh 9000	47	Trung bình	DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$ (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi.
8	Cửa biển Gành Hào	21	Rất kém	DO, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, TSS, EHP dương tính ($N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, TSS có qi = 1)	Không phù hợp cho nuôi trồng thuỷ sản, cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của EHP cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
9	Sông Bạc Liêu	45	Kém	DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$ (DO có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thuỷ sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi.
10	Kênh Trường Sơn	49	Trung bình	DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$, TSS, *V.parahaemolyticus* = 20 CFU/mL, Coliform = 11000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của EHP và *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
11	Kênh số 3	33	Kém	DO, $N\text{-}NH_4^+$, TSS, *V.parahaemolyticus* = 120 CFU/mL (DO, TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thuỷ sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm TSS và các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
12	Kênh Mương 7	71	Tốt	DO, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, Coliform = 11000 MPN/100mL	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
13	Ngã 3 Vàm Đầm	34	Kém	DO, $N\text{-}NH_4^+$, TSS, *V.parahaemolyticus* = 50 CFU/mL, Coliform = 11000 MPN/100mL (DO, TSS có qi = 1)	Rủi ro cao cho nuôi trồng thuỷ sản; cần có biện pháp khắc phục, xử lý và thông báo cảnh báo cho vùng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm TSS và các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					xử lý đạt yêu cầu. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.
14	Sông Đầm Dơi	54	Trung bình	DO, độ mặn, TSS (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm TSS và các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi.
15	Sông Cái Đôi	92	Rất tốt	DO, $N\text{-}NO_2^-$, *V.parahaemolyticus* = 230 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
16	Ngã 3 Vàm Đình	92	Rất tốt	DO, $N\text{-}NO_2^-$, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$, *V.parahaemolyticus* = 120 CFU/mL	Sử dụng tốt cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	57	Trung bình	DO, độ mặn, $P\text{-}PO_4^{3-}$, *V.parahaemolyticus* = 10 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
					V.parahaemolyticus, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
18	Lương Thế Trân	56	Trung bình	DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$, TSS, *V.parahaemolyticus* = 50 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
19	Sông Cái Đôi Vàm	60	Trung bình	DO, $N\text{-}NO_2^-$, *V.parahaemolyticus* = 20 CFU/mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Ghi nhận sự xuất hiện của *V.parahaemolyticus*, cần xử lý và diệt khuẩn nước kỹ trước khi cấp vào ao; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu.
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	60	Trung bình	DO (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi.

TT	Điểm quan trắc	AWQI	Chất lượng nước	Thông số bất lợi	Khuyến cáo
21	Kênh Xáng Độ Cường	52	Trung bình	DO, độ mặn, TSS, Coliform = 11000MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm TSS và các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi.
22	Sông Thị Tường	52	Trung bình	DO, độ mặn, $N\text{-}NO_2^-$, $N\text{-}NH_4^+$, $P\text{-}PO_4^{3-}$ (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi.
23	Kênh Xáng Tân Hưng	53	Trung bình	DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$, TSS, Coliform = 11000 MPN/100mL (DO có qi = 1)	Sử dụng cho mục đích nuôi trồng thuỷ sản, nhưng cần có biện pháp xử lý phù hợp kết hợp tăng cường giám sát môi trường và đối tượng nuôi. Chủ động kiểm soát DO, độ mặn phù hợp trước khi cấp nước vào ao nuôi; lắng, xử lý nước để giảm TSS và các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng trước khi cấp vào ao nuôi. Chú ý an toàn vệ sinh thực phẩm.

Ghi chú: Chỉ số AWQI được đánh giá theo Quyết định 428/QĐ-TS-NTTS của Cục Thủy sản ký ngày 06/12/2023 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn tính toán chỉ số chất lượng nước cho vùng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, nước lợ và nước mặn.

3. Khuyến cáo

Kết quả quan trắc đợt 21 cho thấy có có 02 điểm có chất lượng nước rất tốt (chiếm 8,70%), 01 điểm có chất lượng nước tốt (chiếm 4,35%), 12 điểm có chất lượng nước trung bình (chiếm 52,17%), 06 điểm có chất lượng nước kém (chiếm 26,09%) và 02 điểm có chất lượng nước rất kém (chiếm 8,70%). Các yếu tố bất lợi chủ yếu gồm DO thấp, độ mặn chưa phù

hợp, các chỉ thị ô nhiễm dinh dưỡng và TSS. Một số điểm ghi nhận mật độ Vibrio cao, sự hiện diện của *V. parahaemolyticus* và Coliform; EHP phát hiện dương tính tại 4 điểm gồm Kênh Chùa Phật, Kênh Gò Cát, Kênh Hộ Phòng và Cửa biển Gành Hào. Đáng lưu ý, một số điểm có chất lượng nước kém hoặc rất kém đồng thời xuất hiện nhiều yếu tố bất lợi, cần được ưu tiên kiểm soát trước khi sử dụng nguồn nước cho nuôi tôm.

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết Cà Mau từ ngày 03/11 đến 12/11/2026 trời có nhiều mây, có mưa rào và dông nhiệt độ thấp nhất từ 24 – 26 ^{o}C, nhiệt độ cao nhất từ 28 – 31 ^{o}C; bên cạnh đó, dự báo ven biển Nam Bộ đang trong giai đoạn triều trung bình, có xu hướng tăng đến ngày 06/11, sau giảm.

Để hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và thủy triều gây bất lợi đến hoạt động nuôi trồng thủy sản, Chi cục Thủy sản khuyến cáo các cơ sở, hộ nuôi chủ động thực hiện các biện pháp sau:

- Chủ động kiểm tra, gia cố bờ bao, bờ vuông, cống cấp – thoát nước và các vị trí xung yếu trước khi xảy ra mưa lớn; khơi thông hệ thống tiêu thoát nước, xử lý các vị trí có nguy cơ sạt lở, rò rỉ hoặc tràn bờ. Sau mưa lớn, cần kiểm tra và kịp thời khắc phục các vị trí công trình bị hư hỏng.

- Các cơ sở nuôi không lấy nước trực tiếp từ các khu vực có chất lượng nước kém và rất kém; nước cấp cần được lắng, xử lý và diệt khuẩn trước khi đưa vào ao nuôi.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra các chỉ tiêu môi trường nước trong ao nuôi (DO, độ mặn, $N\text{-}NH_4^+$, $N\text{-}NO_2^-$, $P\text{-}PO_4^{3-}$ và TSS), đặc biệt sau các đợt mưa; duy trì mực nước phù hợp, gia cố bờ bao, cống và chủ động các biện pháp quản lý nhằm hạn chế thiệt hại do thời tiết bất lợi gây ra.

- Tại các điểm ghi nhận mật độ Vibrio hoặc Coliform cao, hoặc phát hiện *V. parahaemolyticus*, cần xử lý, diệt khuẩn nguồn nước trước khi cấp vào ao nuôi; chỉ sử dụng nước sau khi xử lý đạt yêu cầu. Đồng thời, tăng cường các biện pháp an toàn sinh học và theo dõi sức khỏe tôm. Tại các điểm có kết quả xét nghiệm EHP dương tính, cần kiểm soát chặt chẽ nguồn nước cấp và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế nguy cơ đưa mầm bệnh vào ao nuôi.

- Tại các khu vực có độ mặn thấp hoặc ngọt hóa, cần kiểm tra độ mặn trước khi cấp nước; chỉ lấy nước khi đạt yêu cầu đối với đối tượng nuôi và tránh cấp nước ngay sau các trận mưa lớn.

- Bên cạnh đó, thường xuyên kiểm tra pH ao/vuông nuôi và duy trì pH trong khoảng 7,5 – 8,5; chênh lệch giữa sáng và chiều không quá 0,5 đơn vị.

- Trong những ngày có mưa cần tháo bỏ lớp nước mặt trong và sau khi mưa, đồng thời tăng cường quạt nước để tránh

hiện tượng phân tầng nước. Dùng vôi nông nghiệp hoặc vôi sống tạt trên bờ trước khi mưa, sau khi mưa hòa vôi trong nước tạt đều quanh ao/vuông nuôi (từ 10 – 20kg/1.000m^2 ao nuôi). Chủ động giảm hoặc ngưng cho tôm ăn trong thời gian mưa. Sau khi mưa cần bổ sung các chất tăng sức đề kháng, chế phẩm vi sinh giúp ổn định môi trường, hạn chế khí độc trong ao/vuông nuôi.

- Thường xuyên kiểm tra các yếu tố thủy lý, thủy hóa trong ao/vuông nuôi; theo dõi sức khỏe và hoạt động của tôm nuôi. Thực hiện quản lý thức ăn hợp lý; định kỳ vệ sinh đáy ao, loại bỏ bùn thải và chất hữu cơ tích tụ; duy trì môi trường nuôi ổn định nhằm hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Định kỳ bổ sung men tiêu hóa, vi lượng, khoáng chất, vitamin,... đặc biệt là vitamin C vào khẩu phần ăn hằng ngày để tăng sức đề kháng cho tôm nuôi.

- Thường xuyên cập nhật các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai, bản tin quan trắc môi trường nước và các thông báo, khuyến cáo của cơ quan chuyên môn để chủ động nắm bắt thông tin và có biện pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết.

Trên đây là thông báo, khuyến cáo của Chi cục Thủy sản đến người nuôi trồng thủy sản để chủ động trong sản xuất, nhằm hạn chế thiệt hại trên thủy sản nuôi./.

Nơi nhận:
- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Trung tâm Khuyến nông (p/h);
- Phòng Kinh tế các xã (p/h);
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các phường (p/h);
- Ban biên tập Website Sở;
- Lưu: VT, NTTS(Giang).

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC THỦY SẢN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU

Đỗ Chí Sĩ

Phụ lục

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU CHẤT LƯỢNG NƯỚC PHỤC VỤ VÙNG NUÔI TÔM NƯỚC LỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH CÀ MAU ĐỢT 21 (TỪ NGÀY 18/10 – 21/10/2026)

(Kèm theo Thông báo số 86 /TB-CCTS ngày 02/11/2026 của Chi cục Thủy sản)

STT	Điểm quan trắc	Nhiệt độ (°C)	pH	DO (mg/L)	Độ mặn (‰)	Độ kiềm (mg/L)	N-NO_2^- (mg/L)	N-NH_4^+ (mg/L)	P-PO_4^- (mg/L)	N-NO_3^- (mg/L)	TSS (mg/L)	TP (mg/L)	Chlorophyll a (µg/L)	*Vibrio* (CFU/mL)	*Vibrio parahae-molyticus* (CFU/ml)	*Coliform* (MPN/ 100mL)	EHP
1	Kênh 30/4	30,0	7,1	2,0	13,1	91,0	0,023	0,487	0,049	0,071	66,7	0,198	41,1	1.200	210	11.000	Âm tính
2	Kênh Xáng	29,0	7,3	2,0	5,4	112,0	0,039	1,173	0,075	0,095	40,0	0,174	27,2	100	<1	46.000	Âm tính
3	Kênh Cái Cùng	31,0	7,2	3,0	13,7	109,0	0,180	0,781	0,075	0,114	210,0	0,336	47,2	1.400	70	4.600	Âm tính
4	Kênh Chùa Phật	31,0	7,2	2,0	12,0	117,0	0,201	1,494	0,141	0,113	181,3	0,433	23,5	800	70	46.000	Dương tính
5	Kênh Gò Cát	32,0	7,8	2,0	4,5	365,0	0,053	2,839	0,388	0,131	234,7	0,776	18,2	320	90	110.000	Dương tính
6	Kênh Hộ Phòng	31,0	7,3	3,0	18,0	91,0	0,006	0,109	0,026	0,122	351,3	0,204	11,6	220	60	430	Dương tính
7	Kênh 9000	30,0	8,0	2,0	3,1	105,0	0,033	1,075	0,075	0,090	45,3	0,251	3,0	70	<1	1.500	Âm tính
8	Cửa biển Gành Hào	31,0	7,1	4,0	16,8	136,0	0,005	2,558	5,835	0,061	212,0	6,739	16,6	920	<1	4.600	Dương tính
9	Sông Bạc Liêu	29,0	7,6	0,5	3,5	112,0	0,037	1,307	0,092	0,074	53,3	0,269	16,4	30	<1	430	Âm tính
10	Kênh Trường Sơn	28,0	7,2	2,0	9,7	100,0	0,036	0,805	0,063	0,092	172,7	0,266	42,0	250	20	11.000	Âm tính
11	Kênh số 3	30,0	7,3	2,0	18,0	130,0	0,052	0,731	0,073	0,129	402,0	0,405	20,8	660	120	2.100	Âm tính
12	Kênh Mương 7	31,0	7,1	4,0	14,7	135,0	0,026	1,511	0,270	0,115	57,3	0,565	45,7	640	<1	11.000	Âm tính
13	Ngã 3 Vàm Đầm	32,0	7,5	3,0	29,0	127,0	0,034	0,326	0,037	0,128	894,0	0,493	20,8	900	50	11.000	Âm tính
14	Sông Đầm Dơi	30,0	8,0	2,0	5,8	116,0	0,034	0,293	0,057	0,127	124,0	0,190	9,3	340	<1	4.600	Âm tính
15	Sông Cái Đôi	31,0	7,5	4,0	13,0	117,0	0,102	0,227	0,085	0,146	56,0	0,189	6,9	340	230	74	Âm tính
16	Ngã 3 Vàm Đình	30,0	8,0	4,0	11,3	132,0	0,125	0,316	0,102	0,130	50,0	0,192	5,9	400	120	150	Âm tính

STT	**Điểm quan trắc**	**Nhiệt độ** (°C)	**pH**	**DO** (mg/L)	**Độ mặn** (‰)	**Độ kiềm** (mg/L)	**N-NO_2^-** (mg/L)	**N-NH_4^+** (mg/L)	**P-PO_4^-** (mg/L)	**N-NO_3^-** (mg/L)	**TSS** (mg/L)	**TP** (mg/L)	**Chlorophyll a** (µg/L)	***Vibrio*** (CFU/mL)	***Vibrio parahae-molyticus*** (CFU/ml)	***Coliform*** (MPN/ 100mL)	**EHP**
17	Cống Đá kênh 4 - Hòa Mỹ	29,0	7,5	3,0	7,5	122,0	0,047	0,254	0,104	0,158	32,7	0,164	2,0	150	10	230	Âm tính
18	Lương Thế Trân	29,0	7,0	2,0	9,4	105,0	0,081	0,463	0,084	0,155	129,3	0,218	11,7	420	50	2.100	Âm tính
19	Sông Cái Đôi Vàm	32,0	7,5	3,0	16,8	105,0	0,157	0,202	0,057	0,141	49,3	0,139	3,2	180	20	150	Âm tính
20	Sông Đường Chéo (Đường Kéo)	31,0	7,5	3,0	22,3	100,0	0,058	0,247	0,026	0,144	53,3	0,158	5,5	40	<1	4.600	Âm tính
21	Kênh Xáng Độ Cường	29,0	8,0	3,0	5,7	119,0	0,036	0,292	0,055	0,094	140,0	0,194	11,2	820	<1	11.000	Âm tính
22	Sông Thị Tường	29,0	7,0	2,0	5,7	124,0	0,145	0,313	0,298	0,133	16,0	0,389	1,4	100	<1	36	Âm tính
23	Kênh Xáng Tân Hưng	30,0	7,5	3,0	6,1	96,0	0,054	0,507	0,044	0,076	127,3	0,176	7,8	610	<1	11.000	Âm tính